

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

Số: 253/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trung tâm thể dục thể thao xã Đại Lai, huyện Gia Bình”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “**Trung tâm thể dục thể thao xã Đại Lai, huyện Gia Bình**” (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Đại Lai (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Gia Bình; UBND xã Đại Lai và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTHCC tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Chữ ký]
Đào Quang Khải



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO XÃ ĐẠI LAI, HUYỆN GIA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ - UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trung tâm thể dục thể thao xã Đại Lai, huyện Gia Bình.
- Chủ dự án đầu tư: UBND xã Đại Lai.
- Địa điểm thực hiện: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Phạm vi, quy mô dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện trên địa bàn xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích khoảng 1,91 ha.

- Quy mô xây dựng: nhà thi đấu đa năng có diện tích 689,8 m², sân bóng đá có diện tích 4.844 m², sân bóng chuyền hơi có diện tích 816 m² và các hạng mục phụ trợ: sân, công, bãi đỗ xe, tường rào, bồn hoa, rãnh thoát nước...

- Loại hình dự án: Dự án đầu tư mới.

1.3. Quy trình hoạt động của dự án:

Bồi thường giải phóng mặt bằng → Thi công xây dựng → Hoàn thiện cơ sở hạ tầng → Đưa dự án đi vào hoạt động, sử dụng.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án:

- Giải phóng mặt bằng, san nền: Đền bù, giải phóng mặt bằng trên diện tích 1,91 ha.

- Xây dựng các hạng mục công trình:

+ Diện tích xây dựng khối nhà thi đấu đa năng: 689,8 m².

+ Diện tích xây dựng khối nhà vệ sinh ngoài trời: 106,4 m².

+ Diện tích Sân bóng đá : 4.844m².

+ Diện tích Sân bóng chuyền hơi: 816 m²

+ Diện tích sân đặt máy tập thể dục ngoài trời: 711,2 m².

+ Diện tích đất trồng dự kiến xây dựng khán đài sau: 626 m².

+ Diện tích đất trồng dự kiến xây dựng bể bơi sau: 1179,6 m².

+ Diện tích nhà bảo vệ: 35,2 m².

+ Diện tích công hàng rào : 40m².

+ Diện tích Bãi đỗ xe ô tô, xe máy và giao thông nội bộ : 6269 m².

+ Diện tích cây xanh: 3782,8 m².

+ Chiều dài công, tường rào là 463,7 m.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có chuyển đổi mục đích đất trồng lúa 2 vụ trở lên là 1,8 ha, thuộc dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công:

+ Tác động của nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường. Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng và vệ sinh máy móc trên công trường thi công.

+ Tác động của bụi, khí thải: Phát sinh từ các hoạt động san lấp mặt bằng, từ hoạt động của phương tiện vận tải thực hiện vận chuyển nguyên liệu xây dựng ra vào công trường, hoạt động của máy móc, phương tiện thi công xây dựng.

+ Tác động của chất thải rắn, chất thải nguy hại: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phương tiện, máy móc trên công trường.

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công trên công trường, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, người dân.

+ Bụi, khí thải: Khí thải từ các hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án.

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ các hoạt động của phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án.

+ Chất thải rắn, chất thải nguy hại: Phát sinh từ các hoạt động của dự án và hoạt động của cán bộ, công nhân viên.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các công nhân lao động phục vụ Dự án với lưu lượng khoảng $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động rửa xe, vệ sinh thiết bị với lưu lượng khoảng $8,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các công nhân lao động, người tham gia hoạt động tại trung tâm thể dục, thể thao với lưu lượng khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

+ Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng của dự án là $0,07 \text{ (m}^3/\text{s)}$. Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P),...

3.2. Khí thải:

- Giai đoạn thi công: Khí thải, bụi phát sinh từ việc đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện vận tải; quá trình nhập, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; phương tiện, máy móc thi công, bao gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO và VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động giao thông của các phương tiện ra vào các khu vực chức năng của dự án.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.3.1. Chất thải rắn

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ Dự án với khối lượng khoảng 90 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,....

+ Chất thải rắn xây dựng: gạch đá vụn, cặn vữa, bê tông thừa,... với khối lượng khoảng 90 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động hàng ngày của nhà văn hoá, bao gồm các loại rác vô cơ (bao bì, giấy, túi nilon,...) và các chất hữu cơ dễ phân hủy, ước tính khoảng 45 kg/ngày.

+ Chất thải rắn thông thường: Bùn bể tự hoại, bùn hệ thống xử lý với khối lượng khoảng 100 kg/6 tháng.

3.3.2. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công: đầu mẩu que hàn, thùng sơn, bả sơn tường thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin,... khoảng 435 kg trong quá trình xây dựng thi công dự án.

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động là khoảng 40 kg/năm; chủ yếu như bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu mỡ thải, mực in, hộp mực in thải,...

3.4. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi, máy nghiền...),...

- Giai đoạn vận hành: Khi dự án đi vào hoạt động, nguồn tiếng ồn và độ rung chủ yếu là do các phương tiện giao thông phát ra tiếng ồn trong khu vực dự án gây ra.

3.5. Các tác động khác: Dự án tác động đến các hộ dân do bị chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1,8 ha đất trồng lúa hai vụ.

- Tác động liên quan đến thu hồi đất và giải phóng mặt bằng, tác động đến đa dạng sinh học tại khu vực.

- Sự cố mất an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng.

- An toàn giao thông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có cấu tạo gồm 03 buồng với có thể tích bồn nước là 500 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn. Tần suất kiểm tra và nạo vét được quy định tùy theo tiến độ và mức độ thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước mưa chảy tràn:

Hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực thực hiện dự án thoát ra mương tiêu thoát nước.

+ Hệ thống thoát nước thải:

Nước thải được thu gom bằng tuyến ống PVC D200 về trạm xử lý nước thải của Dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

Đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học.

Quy trình xử lý:

Nước thải đầu (sau khi được xử lý sơ bộ) → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Thoát ra ngoài môi trường.

Dung tích các bể xử lý:

- + Bể gom: 1,6 m³;
- + Bể điều hòa: 1,6 m³;
- + Bể thiếu khí: 1,5 m³;
- + Bể hiếu khí: 2,988 m³;
- + Bể lắng: 1,7 m³;
- + Bể khử trùng: 1,4 m³.

Điểm xả thải: Hệ thống thoát nước của khu vực.

Tiêu chuẩn xả thải: Đạt cột A, Quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Tiến hành thi công dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình; thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng và giám sát thi công trên công trường.

+ Các khu vực nền đất đào đắp xong tới đâu được lu lèn bảo đảm độ cứng theo thiết kế ngay tới đó để tránh phát sinh bụi.

+ Che chắn những khu vực phát sinh bụi và thường xuyên tưới nước đường giao thông nội bộ, các khu vực bị xáo trộn trong quá trình xây dựng dự án, định kỳ: 01 lần trước giờ thi công sáng; 01 lần trước giờ thi công chiều.

+ Không tập trung các thiết bị thi công cơ giới hoạt động cùng một lúc, tại một vị trí để hạn chế lượng khí thải phát tán gây ô nhiễm cục bộ. Sử dụng máy móc thi công đã được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm tạo cảnh quan cho khu vực, hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa không khí. Các thùng chứa chất thải của các khu vực phải có nắp đậy, không để rác tồn đọng quá lâu để tránh bốc mùi.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan của tỉnh Bắc Ninh.

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Trang bị các thùng đựng rác có nắp đậy thể tích 20 lít đặt tại công trường để thu gom rác sinh hoạt, đưa về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m² đặt gần cổng ra vào dự án. Lượng rác thải trên sẽ được nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hằng ngày đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: bố trí 01 kho chứa chất thải xây dựng (gần cổng ra vào ở phía Nam dự án) với diện tích khoảng 30 m².

- Giai đoạn vận hành: Bố trí các thùng chứa chất thải có nắp đậy trong khu vực dự án được phân loại chất thải rắn vô cơ, chất thải hữu cơ. Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ hệ thống bể tự hoại sẽ định kỳ thuê đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh thông hút, tần suất trung bình 6 tháng/ lần.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải nguy hại: Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh theo quy định và được lưu giữ tại các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.



- Giai đoạn vận hành:

+ Thu gom và phân loại rác vào các thùng chứa chất thải có nắp đậy trong khu vực dự án.

+ Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m², theo đúng quy cách, có mái che, tường kín, sàn đổ bê tông có rãnh thu gom tránh chất thải rò rỉ, có bờ bao chống tràn, có dán nhãn và mã đối với từng loại chất thải nguy hại và biển hiệu cảnh báo, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ.

+ Thu gom, tập kết toàn bộ chất thải nguy hại của dự án về kho lưu chứa chất thải nguy hại của Dự án; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại của Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công:

+ Các thiết bị và máy móc thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu.

+ Hạn chế thi công và vận chuyển phế thải qua khu dân cư và các đường liên thôn, đường liên xã vào ban đêm.

+ Lắp dựng hàng rào trong trường hợp bao quanh vị trí thi công đoạn qua các khu vực nhạy cảm với tiếng ồn (trường học, khu dân cư) với chiều cao khoảng 2 m.

+ Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân, có mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo.

+ Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; dừng bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

- Giai đoạn vận hành: Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại ra vào khu vực dự án bằng biện pháp trồng cây xanh xung quanh.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát: 3 điểm tại công trường thi công.

- Tần số thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, DO, TSS, Amoni, Clorua, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Tổng Dầu, mỡ, Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước tại kênh thoát nước gần dự án thuộc cánh đồng thôn Trung Thành.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần trong suốt thời gian thi công.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT cột B1.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành ổn định

Dự án không thuộc đối tượng phải tiến hành quan trắc môi trường định kỳ trong giai đoạn vận hành ổn định./.

